

THÔNG TƯ

Hướng dẫn việc thực hiện các quy định về chăm sóc thay thế cho trẻ em

Căn cứ Luật trẻ em ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em;

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Trẻ em;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư hướng dẫn việc thực hiện các quy định về chăm sóc thay thế cho trẻ em.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn việc thực hiện các quy định về chăm sóc thay thế cho trẻ em.

2. Thông tư này áp dụng đối với người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã, cộng tác viên bảo vệ trẻ em, cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Quy trình chăm sóc thay thế cho trẻ em

1. Tiếp nhận, phối hợp xử lý thông tin.

2. Đánh giá tình trạng và xác định nhu cầu cần hỗ trợ đối với trẻ em được nhận chăm sóc thay thế.

3. Xác định trẻ em được nhận chăm sóc thay thế.

4. Tiếp nhận thông tin các cá nhân, gia đình có nhu cầu nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em.

5. Xác minh và lựa chọn cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế.

6. Xác định cá nhân, gia đình đủ điều kiện được nhận chăm sóc thay thế.

7. Xây dựng kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em được nhận chăm sóc thay thế.

8. Thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em có nhu cầu được nhận chăm sóc thay thế.

9. Theo dõi và đánh giá tình trạng trẻ em, cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế.

Chương II

QUY TRÌNH THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CHĂM SÓC THAY THẾ CHO TRẺ EM

Điều 3. Tiếp nhận, phối hợp xử lý thông tin

1. Người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã có trách nhiệm tiếp nhận, thu thập các thông tin về tình trạng và nhu cầu của trẻ em, các thành viên trong gia đình và lập danh sách trẻ em có nhu cầu được nhận chăm sóc thay thế.

2. Định kỳ 06 tháng, người đứng đầu cơ sở trợ giúp xã hội có trách nhiệm lập danh sách, hồ sơ trẻ em đang được chăm sóc tại cơ sở có nhu cầu được nhận chăm sóc thay thế và chuyển đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt để làm căn cứ tìm cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tiếp nhận danh sách và hồ sơ trẻ em có nhu cầu được nhận chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt chuyển về và giao cho người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã quản lý, thực hiện các hoạt động hỗ trợ chăm sóc thay thế cho trẻ em theo quy định.

4. Người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã có trách nhiệm thu thập thông tin về tình hình trẻ em bị xâm hại, có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi bởi cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em, trẻ em bị xâm hại nhưng cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em từ chối thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã để làm các thủ tục hỗ trợ chăm sóc thay thế tạm thời cho trẻ em theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em (sau đây viết tắt là Nghị định số 56/2017/NĐ-CP).

Điều 4. Đánh giá tình trạng và xác định nhu cầu hỗ trợ đối với trẻ em được nhận chăm sóc thay thế

Người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã, cán bộ cơ sở trợ giúp xã hội được người đứng đầu cơ sở phân công theo dõi đánh giá tình trạng của trẻ em có trách nhiệm sau:

1. Đánh giá tình trạng của trẻ em về sức khỏe thể chất, sức khỏe tâm thần, tình hình học tập, điều kiện chăm sóc hiện tại, các nguy cơ có thể gây tổn hại cho trẻ em, nguyên nhân hoặc đối tượng gây tổn hại cho trẻ em, tình trạng gia đình, người thân thích (nếu có);

2. Xác định các dịch vụ, chính sách hỗ trợ, can thiệp cho trẻ em theo các dịch vụ sau:

a) Chăm sóc sức khỏe: Khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc dinh dưỡng, chính sách bảo hiểm y tế;

b) Hỗ trợ giáo dục: Hỗ trợ trẻ em được đi học; hỗ trợ đồ dùng học tập, quần áo đồng phục, học phí; chi phí học nghề phù hợp với lứa tuổi theo quy định;

c) Hỗ trợ tâm lý: Tư vấn tại chỗ hoặc chuyển trẻ em đến tư vấn, trị liệu tại các cơ sở dịch vụ chuyên sâu về trị liệu tâm lý;

d) Phúc lợi xã hội: Hỗ trợ trẻ em được chăm sóc thay thế phù hợp bảo đảm thứ tự ưu tiên lựa chọn hình thức chăm sóc thay thế vì lợi ích tốt nhất của trẻ em. Đối với trẻ em sống tại cơ sở trợ giúp xã hội cần tạo điều kiện cho trẻ em trở về sống tại cộng đồng cùng cha, mẹ hoặc người thân thích (nếu có) hoặc tìm cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em; hỗ trợ chính sách trợ cấp xã hội cho trẻ em và cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế theo quy định;

đ) Bảo vệ trẻ em: Thực hiện các biện pháp bảo vệ trẻ em khỏi bị xâm hại, bạo lực; cách ly trẻ em khỏi môi trường, đối tượng đe dọa hoặc đang có hành vi bạo lực, bóc lột trẻ em và triển khai các thủ tục hỗ trợ, can thiệp;

e) Trợ giúp pháp lý: Thực hiện các thủ tục xác định trẻ em trong trường hợp bị bỏ rơi theo quy định của pháp luật; hỗ trợ khai sinh cho trẻ em bị bỏ rơi; cung cấp dịch vụ pháp lý cho trẻ em.

3. Phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân lập hồ sơ của trẻ em theo quy định tại khoản 3 và 4 Điều 38 Nghị định số 56/2017/NĐ-CP.

Điều 5. Xác định trẻ em được nhận chăm sóc thay thế

Trẻ em được nhận chăm sóc thay thế khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Trẻ em thuộc các đối tượng theo quy định tại Điều 62 Luật trẻ em;

2. Trẻ em thuộc danh sách được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt theo quy định đối với trẻ em đang được nuôi dưỡng, chăm sóc tại cơ sở trợ giúp xã hội;

3. Trẻ em có đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 và 4 Điều 38 Nghị định số 56/2017/NĐ-CP;

4. Được sự đồng ý bằng văn bản của cha, mẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 36 Luật trẻ em hoặc của người giám hộ đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 62 Luật trẻ em.

5. Trường hợp trẻ em từ đủ 07 tuổi trở lên phải lấy ý kiến của trẻ em.

Điều 6. Tiếp nhận thông tin các cá nhân, gia đình có nhu cầu nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em

Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tiếp nhận đơn đăng ký và hướng dẫn các cá nhân, gia đình có nhu cầu nhận chăm sóc thay thế theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 56/2017/NĐ-CP.

Điều 7. Xác định và lựa chọn cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế

1. Ngoài trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều 42 Nghị định số 56/2017/NĐ-CP về việc xác định và lựa chọn cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế, người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã còn có trách nhiệm sau:

a) Xác định điều kiện của cá nhân, gia đình có nhu cầu nhận chăm sóc thay thế;

b) Đánh giá mức độ phù hợp của cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế với trẻ em dựa trên các thông tin của cá nhân, gia đình đăng ký nhận chăm sóc thay thế, các yêu cầu của cá nhân, gia đình đối với trẻ em được nhận chăm sóc thay thế;

c) Tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm: xem xét, phê duyệt danh sách cá nhân, gia đình đủ điều kiện nhận chăm sóc thay thế bảo đảm theo quy định tại khoản 2 Điều 63 Luật trẻ em trên cơ sở báo cáo của người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã.

Danh sách cá nhân, gia đình đủ điều kiện nhận chăm sóc thay thế gửi cơ quan lao động - thương binh và xã hội cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 40 Nghị định số 56/017/NĐ-CP.

3. Cơ quan lao động - thương binh và xã hội cấp tỉnh, cấp huyện, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em có trách nhiệm tư vấn cho cá nhân, gia đình được lựa chọn vào danh sách nhận chăm sóc thay thế trẻ em về các quy định của

pháp luật liên quan đến quyền và bổn phận của trẻ em, bảo vệ trẻ em và kỹ năng về chăm sóc thay thế.

4. Cơ quan lao động - thương binh và xã hội cấp huyện ngoài trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều 68 Luật trẻ em, có trách nhiệm điều phối việc nhận chăm sóc thay thế trẻ em như sau:

a) Định kỳ hằng quý gửi danh sách cá nhân, gia đình có nhu cầu nhận chăm sóc thay thế cho các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là xã) trong địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là huyện);

b) Rà soát, tổng hợp danh sách trẻ em và cá nhân, gia đình có nhu cầu nhận chăm sóc thay thế;

c) Định kỳ hằng tháng thông tin về trẻ em và cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế được lựa chọn cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cá nhân, gia đình có nhu cầu nhận chăm sóc thay thế cư trú tiếp tục thực hiện chăm sóc thay thế cho trẻ em theo quy định.

Điều 8. Điều kiện để cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế

Cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế phải bảo đảm các điều kiện sau:

1. Bảo đảm quy định tại khoản 2 Điều 63 Luật trẻ em.
2. Đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xác minh theo mẫu số 11 ban hành kèm theo Nghị định số 56/2017/NĐ-CP.
3. Hồ sơ bảo đảm theo quy định tại khoản 1 Điều 41 Nghị định số 56/2017/NĐ-CP.
4. Đã được cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em hoặc người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã tư vấn theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư này.
5. Được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú phê duyệt đủ điều kiện nhận chăm sóc thay thế.

Điều 9. Xây dựng kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em được nhận chăm sóc thay thế

1. Căn cứ kết quả đánh giá tình trạng của trẻ em việc xác định nhu cầu hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em, người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tại địa phương xây dựng kế hoạch hỗ trợ, can thiệp cho trẻ em trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 56/2017/NĐ-CP.

2. Người đứng đầu cơ sở trợ giúp xã hội phân công người đại diện phối hợp với người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã nơi cư trú của cá nhân, gia đình